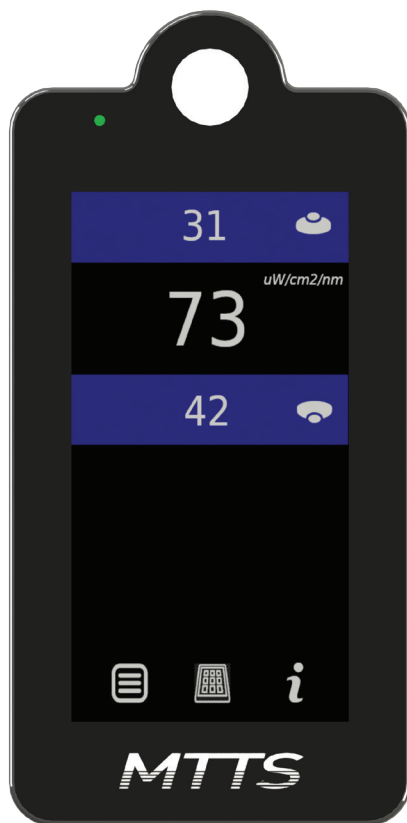


# 4meter

LifeKit by **MTTS**



## 4METER

Một thiết bị đa năng **đo chính xác** các thông số: công suất ánh sáng đèn chiếu điều trị vàng da, nồng độ oxy của các nguồn cung cấp oxy, áp lực và lưu lượng của các nguồn khí nén trong y tế.



Các chức năng chính

- 1. Đo công suất ánh sáng:
  - Thiết bị đo chính xác công suất ánh sáng của đèn chiếu điều trị vàng da trong quá trình bảo trì và sử dụng thiết bị
- 2. Đo nồng độ oxy:
  - Đo chính xác nồng độ của các nguồn oxy (oxy bình, máy tạo oxy, oxy gắn tường...)
  - Kiểm tra bộ trộn khí loại cơ khí và các loại điều khiển điện tử khác
  - Kiểm tra sự rò rỉ oxy bên trong thiết bị; bên ngoài bộ ống dây thở
- 3. Đo áp lực khí:
  - Đo chính xác áp lực tại nút nối chữ Y của bộ dây thở trước khi sử dụng
- 4. Đo lưu lượng khí:
  - Đo kiểm tra lưu lượng đầu ra của máy trợ thở và máy thở trong quá trình bảo trì thiết bị
- 5. Đo áp suất cao:
  - Kiểm tra nguồn khí bệnh viện và các biến động nếu có
- 6. Đo nhiệt độ, độ ẩm:
  - Kiểm tra tính đồng nhất nhiệt độ của thiết bị sưởi ấm
  - Kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm bên trong lồng ấp



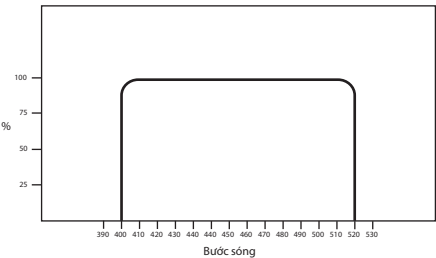
Cảm biến đo công suất ánh sáng

- Dải quang phổ đo được nằm trong dải bước sóng phù hợp cho điều trị bệnh lý vàng da
- Cảm biến được gắn trên 2 mặt của thiết bị sẽ thuận tiện cho việc đo công suất ánh sáng của các loại đèn chiếu vàng da 1 mặt và 2 mặt

Màn hình hiển thị / Chỉ số

- Màn hình tinh thể lỏng cảm ứng (LCD)
- Cảnh báo: pin yếu, lỗi hệ thống, không đo được
- Giữ kết quả đo trên màn hình
- Công cụ ước tính độ rộng phổ nguồn sáng
- Hiển thị công suất tương đối và tuyệt đối
- Chế độ đo đa điểm

Biểu đồ dải quang phổ phù hợp



Kích thước và trọng lượng

|                           |                        |
|---------------------------|------------------------|
| Kích thước D x R x CWidth | 148 mm x 73 mm x 17 mm |
| Trọng lượng               | 200 g                  |

Thông số hoạt động

|                               |                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Áp dụng                       | Sử dụng đo công suất ánh sáng của thiết bị điều trị vàng da ánh sáng xanh (đèn LED và đèn huỳnh quang ánh sáng xanh); nếu sử dụng thiết bị để đo công suất ánh sáng của đèn halogen sẽ cho kết quả kém chính xác |
| Bước sóng đo được             | Sử dụng để đo các thông số của các nguồn khí y tế.                                                                                                                                                               |
| Phạm vi đo                    | 400-520nm                                                                                                                                                                                                        |
| Độ phân giải                  | 0.1 – 150.0 μW/cm²/nm                                                                                                                                                                                            |
| Đặc tính sai số góc chiếu đèn | 0.1 – 300.0 μW/cm²/nm                                                                                                                                                                                            |
| Sai số                        | 0.1 μW/cm²/nm                                                                                                                                                                                                    |
| Đo nồng độ ô xy               | ±2% tại góc 30 độ                                                                                                                                                                                                |
| Đo lưu lượng khí              | ±7% tại góc 60 độ                                                                                                                                                                                                |
| Đo áp lực khí                 | ±25% tại góc 80 độ                                                                                                                                                                                               |
| Cảm biến áp lực cao           | +/- 3%                                                                                                                                                                                                           |
| Cảm biến nhiệt độ/ độ ẩm      | FiO2 21-100%                                                                                                                                                                                                     |
|                               | Lưu lượng 0-120 lít/phút (đo hai chiều)                                                                                                                                                                          |
|                               | Áp lực 0-100 cm H2O                                                                                                                                                                                              |
|                               | Áp lực ±100 psi                                                                                                                                                                                                  |
|                               | Nhiệt độ 5-60°C                                                                                                                                                                                                  |
|                               | Độ ẩm 0-100% RH                                                                                                                                                                                                  |

Thông số về pin

|          |                                   |
|----------|-----------------------------------|
| Loại pin | 2xAA 1.5V Alkaline, Pin không sạc |
| Tuổi thọ | Lên đến 120 giờ sử dụng           |

Thông số về môi trường

|                             |                                                                                                   |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ hoạt động          | 10°C đến 40°C                                                                                     |
| Nhiệt độ nơi lưu kho        | 0°C đến 50°C                                                                                      |
| Áp suất không khí hoạt động | 70 đến 106kPa                                                                                     |
| Áp suất không khí lưu kho   | 70 đến 106kPa                                                                                     |
| Độ ẩm hoạt động             | 30 đến 90% RH không ngưng tụ                                                                      |
| Độ ẩm lưu kho               | 5 đến 90% RH không ngưng tụ                                                                       |
| Chống thấm                  | Ip54                                                                                              |
| Chống rơi / chống sốc       | Thả rơi 1m trên bề mặt cứng, đáp ứng hoặc vượt quá tiêu chuẩn IEC 60068-2-32 (chỉ dùng vỏ bảo vệ) |

Chứng nhận nhà sản xuất

ISO 13485:2016; IEC 61010-1:201;  
IEC 61326-1:2012; ROHS III  
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của Viện đo lường Việt Nam

Thông tin đặt hàng và dịch vụ

| THÔNG TIN ĐẶT HÀNG            | MÃ SẢN PHẨM | THIẾT BỊ CHÍNH |
|-------------------------------|-------------|----------------|
| Đồng hồ đo công suất ánh sáng | LM-800      |                |
| Đầu đo nồng độ oxy            | LM-800-020  |                |
| Đầu đo lưu lượng khí          | LM-800-030  |                |
| Đầu đo áp lực khí             | LM-800-040  |                |
| Đầu đo áp lực cao             | LM-800-050  |                |
| Đầu đo nhiệt độ/độ ẩm         | LM-800-060  |                |
| Bộ sạc pin và pin AAA sạc lại | LM-800-070  |                |
| Hộp bảo quản                  | LM-800-080  |                |

HIỆU CHỈNH VÀ BẢO TRÌ  
Hiệu chỉnh: Định kỳ 2 năm sau khi giao hàng;  
Gửi về MTTS để hiệu chỉnh  
Bảo trì: Gửi về MTTS để bảo trì

BẢO HÀNH  
Bảo hành tiêu chuẩn 1 năm theo chính sách của MTTS



CÔNG TY TNHH CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ  
ISO 13485: 2016 Certified Company

Thông tin chi tiết và cách đặt hàng xem tại:

@ info@mtts-asia.com      www https://mtts-asia.com

+84 24 37 666 521  
+84 914 38 9990

Số 26 ngõ 41 Đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

Nhà phân phối: